

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HS-ST

Ngày 08 - 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Thị Quý.

Bà Chu Thị Xuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Bé Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST - HS ngày 01 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trương Ngọc C, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1992, tại huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công N (đã chết) và bà Nguyễn Thị O; vợ Vũ Thị Quỳnh P và có 02 người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2022 đến nay, có mặt.

2. Đinh Trọng T, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1982, tại huyện Đ1, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Trọng B và bà Hoàng Thị H1; vợ là Nguyễn Thị H2 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2013 con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý

hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2022 đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nông Văn B1, sinh năm 1973, **có mặt**;
2. Anh Ngô Văn T1, sinh năm 1976, **có mặt**;
3. Anh Vi Văn T2, sinh năm 1992, **có mặt**;
4. Ông Nông Văn L, sinh năm 1963, vắng **mặt**;
5. Anh Nông Văn H3, sinh năm 1983, **có mặt**;
6. Chị Hoàng Thị B2, sinh năm 1986, vắng **mặt**;
7. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989, vắng **mặt**;
8. Bà Trịnh Thị N1, sinh năm 1970, **có mặt**;
9. Chị Nông Thị K, sinh năm 1994, **có mặt**;
10. Bà Bé Thị S, sinh năm 1964, vắng **mặt**;

Cùng địa chỉ: Thôn K1, xã T3, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

11. Anh Lê Văn T4, sinh năm 1983, vắng **mặt**;
12. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 2002, vắng **mặt**;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

13. Ông Phạm Sỹ Q, sinh năm 1971, **có mặt**;

Địa chỉ: Tổ C1, phường M1, thành phố Y1, tỉnh Yên Bái.

14. Anh Trần Văn T5, sinh năm 1987, vắng **mặt**;
15. Anh Ngô Văn H4, sinh năm 1973, vắng **mặt**;
16. Anh Trương Văn S1, sinh năm 1978, vắng **mặt**;
17. Chị Hứa Thị T6, sinh năm 1987, vắng **mặt**;
18. Bà Hoàng Thị H5, sinh năm 1961, vắng **mặt**;
19. Bà Hoàng Thị P1, sinh năm 1960, vắng **mặt**;
20. Chị Hoàng Thị H6, sinh năm 1991, vắng **mặt**;
21. Bà Trương Thị L1, sinh năm 1970, vắng **mặt**;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ3, xã K1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác tuần tra bảo vệ rừng, ngày 04/8/2021, Hạt Kiểm lâm huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn phát hiện có dấu hiệu hủy hoại rừng tại địa bàn thôn K1, xã T3 thuộc các thửa đất: Số 251, lô số 07, 08, khoảnh 1, tiểu khu 35 và thửa số 260, lô số 02, khoảnh 4, tiểu khu 35 (đều thuộc tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã T3). Đối chiếu với bản đồ quy hoạch ba loại rừng xã T3 được phê duyệt theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/03/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 thấy: Toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá 150.987,4m² tại thửa đất số 251, lô số 07, 08, khoảnh 1, tiểu khu 35 và thửa số 260, lô số 02, khoảnh 4, tiểu khu 35 được quy hoạch đất rừng sản xuất, trong đó 115.247,4m² là rừng nghèo kiệt không có trữ lượng và thuộc đối tượng trồng rừng (DT2). Căn cứ theo Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Trảng Định về việc phê duyệt hiện trạng rừng huyện Trảng Định năm 2020 thì thửa đất số 251, lô số 07, 08, khoảnh 1, tiểu khu 35 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã T3 đo đạc năm 2008 diện tích 271.294m² mục đích sử dụng là rừng sản xuất, chủ sử dụng đất là ông Ngô Văn T1, theo hiện trạng bản đồ xã T3 năm 2020 thuộc các lô 07, 08 khoảnh 01 tiểu khu 35, hiện trạng cụ thể: Lô 07 hiện trạng là đất có cây gỗ tái sinh núi đất ký hiệu DT2 (diện tích chưa có rừng) thuộc đối tượng trồng rừng; Lô 08 hiện trạng rừng là hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất, ký hiệu là HG1 (diện tích có rừng) thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, không thuộc đối tượng trồng rừng. Còn đối với thửa đất số 260, lô số 02, khoảnh 4, tiểu khu 35 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã T3 đo đạc năm 2008 diện tích 77.115m² mục đích sử dụng là rừng sản xuất, chủ sử dụng đất là ông Nông Văn B1, theo hiện trạng bản đồ xã T3 năm 2020 hiện trạng cụ thể: Lô số 02 hiện trạng là đất có cây gỗ tái sinh núi đất, ký hiệu DT2 (thuộc đối tượng trồng rừng).

Về nguồn gốc số rừng trên, do ngày 10/6/2021, ông Phạm Sỹ Q mua với ông Nông Văn B1 thửa đất rừng số 251 có diện tích 271.294m², mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 01 xã T3, huyện Trảng Định với giá 271.224.000 đồng và mua với ông Ngô Văn T1 thửa đất rừng số 260 có diện tích 77.115m², mục đích sử dụng đất rừng sản xuất thuộc tờ bản đồ địa chính số 01 xã T3, huyện Trảng Định với giá 77.115.000 đồng, mục đích để phát dọn thực bì để trồng quế (thực tế thửa đất số 251 của ông Nông Văn B1, bị cấp nhầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn T1, thửa 260 của ông Ngô Văn T1 lại bị cấp nhầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Văn B1). Đầu tháng 7/2021, ông Phạm Sỹ Q đưa Trương Ngọc C và Đinh Trọng T đến khu rừng đã mua nói trên tại K3 thuộc thôn K1, xã T3, huyện Trảng Định rồi chỉ định vị trí, ranh giới khu vực được phát dọn là các cây cỏ, lau sậy, giàng giàng, dây leo và cây bụi tại khu vực rừng nghèo kiệt không có trữ lượng và thuộc đối tượng trồng rừng và giao cho Trương Ngọc C và Đinh Trọng T tìm thuê người phát dọn thực bì thì C, T đồng ý. Sau khi chỉ định vị trí phát dọn thì Q đưa cho Trương Ngọc C

số tiền 500.000.000 đồng giao cho C cùng T làm lán, tìm thuê công nhân người địa phương phát dọn thực bì, ươm cây giống và trồng quế.

Sau đó, Trương Ngọc C cùng Đinh Trọng T thuê Lê Văn T4, Nguyễn Tiến D, Vi Văn T2, Nông Văn L, Ngô Văn T1, Nông Văn H3, Hoàng Thị B2, Nguyễn Thị M, Trịnh Thị N1, Nông Thị K và Bé Thị S, Trần Văn T5, Ngô Văn H4, Trương Văn S1, Hứa Thị T6, Hoàng Thị H5, Hoàng Thị P1, Hoàng Thị H6 và Trương Thị L1 sử dụng máy cưa và dao chặt, phát toàn bộ thực bì tại các vị trí mà Phạm Sỹ Q chỉ định lúc đầu. Sau đó, thấy tiến độ công việc nhanh và số tiền Phạm Sỹ Q giao cho còn nhiều, C và T đã tự ý bàn bạc, thống nhất và chỉ đạo công nhân chặt phát toàn bộ những cây vầu, các loại cây gỗ trên thửa đất số 251, lô 08, khoảnh 01, tiểu khu 35 hiện trạng rừng là hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất, ký hiệu là HG1 thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, không thuộc đối tượng trồng rừng với diện tích 35.740m² mà không xin phép, hỏi ý kiến hay thông báo cho Phạm Sỹ Q biết, cũng như không xin phép Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngoài phát dọn thực bì để trồng rừng, Trương Ngọc C còn thuê máy xúc sửa đường đi lại trong rừng trên nền đường cũ. Đến tháng 11/2021, khi các cây rừng chặt phá trước đó đã khô, C cùng T thuê Vi Văn T2, Ngô Văn T1, Nông Thị K, Nông Văn L4 và Nông Văn Đ4 đến khu đồi K3 đốt diện tích rừng bị chặt phá trước đó. Khoảng giữa tháng 12/2021, C cùng T tiếp tục thuê Lê Văn T4, Nguyễn Tiến D, Trần Nguyệt T7, Nông Thị K, Bé Thị S và Nông Văn L, Trần Thị H7, Lý Thị K3, Nông Thị K4, Nông Thị M, Hoàng Thị Y2, Bé Thị Đ4 và Hoàng Thị H8, Nông Thị Đ5, Nông Thị H9 dọn, gom các cây chưa cháy hết và đốt để lấy đất trồng quế. Diện tích rừng bị phá buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm là 35.740m²; tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại không xác định được vì đã bị đốt, dọn.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSTĐ ngày 30/5/2022, đã truy tố các bị cáo Trương Ngọc C, Đinh Trọng T phạm tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cũng như số liệu đo diện tích rừng như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận dù là người làm công cho Phạm Sỹ Q nhưng do trách nhiệm mà cho người phát dọn cả diện tích rừng không được phép, vượt ra khỏi phạm vi chỉ định và chưa được sự cho phép của Phạm Sỹ Q, các bị cáo biết rõ khu vực chưa được các cơ quan chức năng cho phép, nhưng nhằm tăng diện tích canh tác và số tiền Phạm Sỹ Q giao còn nhiều nên cả hai bị cáo tự ý cho phát dọn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Phạm Sỹ Q thừa nhận lời khai của các bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bởi các bị cáo vì công việc được giao đã cho người phát vượt quá phạm vi cho phép, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác, có mặt tại phiên tòa thừa nhận lời khai của bị cáo là đúng và không có ý kiến bổ sung. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xử vắng mặt được công bố đều thừa nhận lời khai đã khai tại cơ quan điều tra và không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền các bị cáo đã khắc phục là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bởi lẽ mặc dù không xác định được thiệt hại nhưng thực tế thiệt hại đã xảy ra và các bị cáo đều tự nguyện nộp để khắc phục thiệt hại. Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Trương Ngọc C, Đinh Trọng T phạm tội “Hủy hoại rừng”; áp dụng thêm điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị tịch thu tiêu hủy tang vật không còn giá trị mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, đối với tài sản còn giá trị, đề nghị tuyên tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước; đối với số tiền các bị cáo khắc phục hậu quả, đề nghị tịch thu vào ngân sách Nhà nước. Đối với số gỗ bị chặt đã bị đốt không xác định được nên không đề nghị xem xét.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo cải tạo tại địa phương để có điều kiện tiếp tục khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, cụ thể bị cáo C và T đã tự ý bàn bạc, thống nhất, chưa có sự cho phép của ông Phạm Sỹ Q đã chỉ đạo công nhân chặt phát toàn bộ những cây vầu, các loại cây gỗ trên thửa đất số 251, lô 08, khoảng 01, tiểu khu 35 hiện trạng rừng là hỗn giao gỗ - tre nứa tự nhiên núi đất, ký hiệu là HG1 thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, không thuộc đối tượng trồng rừng với diện tích 35.740m². Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Hủy hoại rừng, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ. Để có mức án phù hợp

với các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về tính chất hành vi, ý thức chủ quan và động cơ mục đích, các tình tiết về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nguyên nhân, điều kiện phạm tội và vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

[3] Các bị cáo đều là người làm thuê, trước khi Phạm Sỹ Q đưa tiền, giao nhiệm vụ cho các bị cáo đều chỉ các vị trí, khu vực đủ điều kiện để phát dọn thực bì, nơi có cỏ, giàng giàng, cây bụi và dây leo. Tuy nhiên, quá trình thực hiện công việc do tiến độ kết quả thực hiện nhanh, các bị cáo cho phép người làm thuê phát vượt quá khu vực cho phép. Hành vi cho phép công nhân chặt, phát vượt khỏi phạm vi mà chủ rừng đã xác định vị trí, dù biết rằng các vị trí này đều không được phép phát dọn, chặt phá, không có sự cho phép của các cơ quan chức năng. Mục đích và nhận thức của các bị cáo đều nhằm tăng diện tích trồng cây không có sự chỉ đạo, cho phép của Phạm Sỹ Q. Hành vi chặt phá cây trên đất rừng sản xuất là nhằm thay đổi cây trồng có hiệu quả, cũng là cách thức trồng lại rừng nên tính chất nguy hiểm cũng khác với hành vi chặt phá rừng nhằm khai thác gỗ hay lâm sản; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận cùng thống nhất, bàn bạc và không ai chỉ đạo ai. Do đó, các bị cáo có vai trò ngang nhau trong quá trình thực hiện; về nhân thân, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Ngoài tình tiết định khung, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi sự việc xảy ra, mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, mặc dù thiệt hại là có nhưng không xác định được, tuy nhiên cả hai bị cáo vẫn tự nguyện khắc phục hậu quả. Điều đó thể hiện khả năng cải tạo, thái độ và trách nhiệm của các bị cáo đối với hành vi của mình gây ra. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đinh Trọng T có bố đẻ là ông Đinh Trọng B được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, bị cáo Trương Ngọc C thuộc gia đình có công với cách mạng, có ông nội là Trương Văn Thống được nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng Nhất, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với Phạm Sỹ Q là người mua các thửa đất rừng số 251 và số 260 và chỉ định ranh giới rừng phát dọn thực bì cho Đinh Trọng T và Trương Ngọc C tại những vị trí được phép trồng rừng. Tuy nhiên sau đó T và C đã tự ý thống nhất cho người làm thuê tiếp tục chặt phát các loại cây rừng ngoài phạm vi chỉ định ban đầu của Phạm Sỹ Q, không xin phép, hỏi ý kiến hay thông báo cho Q biết. Do đó hành vi của Phạm Sỹ Q không cấu thành tội phạm.

[6] Đối với Lê Văn T4, Nguyễn Tiến D, Vi Văn T2, Nông Văn L, Ngô Văn T1, Nông Văn H3, Trương Thị L1, Nông Thị M, Trịnh Thị N1, Nông Thị K, Bé Thị S, Trần Văn T5, Ngô Văn H4, Trương Văn S1, Hứa Thị T6, Hoàng Thị H5, Hoàng Thị P1, Hoàng Thị H6, Hoàng Thị B2 có hành vi chặt phá rừng thuê cho

Trương Ngọc C và Đinh Trọng T mục đích lấy tiền công, không biết khu rừng chặt phá chưa được các cơ quan Nhà nước cấp phép nên hành vi này không cấu thành tội phạm.

[7] Đối với ông Bàn Văn S2 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Yên, huyện Trảng Định là người ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng giữa Phạm Sỹ Q và Ngô Văn T1, Nông Văn B1. Đây là hành vi hành chính thông thường, xác nhận các giao dịch dân sự, nên không có căn cứ xem xét xử lý. Đối với toàn bộ gỗ, lâm sản ngoài gỗ tại hiện trường rừng bị chặt đã bị đốt, không có căn cứ để định giá về giá trị thiệt hại.

[8] Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ cần có mức án phù hợp, tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện, không buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội cũng đảm bảo tính giáo dục riêng, răn đe, phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, có thể miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội. Đối với số tiền các bị cáo nộp khắc phục thiệt hại, tuy nhiên dù các cơ quan không xác định được thiệt hại nhưng thực tế thiệt hại đã xảy ra, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục thì cần tịch thu vào ngân sách Nhà nước. Đối với số gỗ bị thiệt hại không xác định được vì đã bị đốt, dọn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[11] Từ những nhận định này, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[12] Về án phí: Các bị cáo bị tuyên là có tội thì phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với cả hai bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Ngọc C và Đinh Trọng T phạm tội “Hủy hoại rừng”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trương Ngọc C 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2022.

- Xử phạt bị cáo Đinh Trọng T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2022.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giám sát giáo dục trong hạn thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 35cm, tra cán gỗ dài 26cm, bản rộng lưỡi dao 05cm của Nông Văn L; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 38cm, bản rộng lưỡi dao 3,6cm của Nông Văn H3; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 40cm, tra cán gỗ dài 15cm, bản rộng lưỡi dao 06cm của Vi Văn T2; 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen dài 40cm, lưỡi dao hình trữ nhật dài 26,5cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm của Ngô Văn T1; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 39cm, tra cán gỗ dài 6,5cm, bản rộng lưỡi dao 03cm của Hoàng Thị P1; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 40cm, tra cán gỗ dài 10cm, bản rộng lưỡi dao 4,5cm của Hoàng Thị H5; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 44cm, tra cán gỗ dài 06cm, bản rộng lưỡi dao 3,8cm của Ngô Văn H4; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 36cm, tra cán gỗ dài 30cm, bản rộng lưỡi dao 3,5cm của Hứa Thị T6; 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen dài 42cm, lưỡi dao hình trữ nhật dài 26cm, cán bằng gỗ dài 16cm của Trương Văn S1; 01 (một) con dao bằng kim loại màu đen dài 33cm, phần cuối lưỡi dao cắt vát hình vòng cung, cán bằng gỗ dài 3,5cm của Hoàng Thị H6; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 39cm, tra cán gỗ dài 18cm, bản rộng lưỡi dao 3,5cm của Hoàng Thị B2; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 37cm, bản rộng lưỡi dao 3,8cm của Trịnh Thị N1; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 32cm, bản rộng lưỡi dao 04cm; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 38cm, bản rộng lưỡi dao 3,8cm; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 31cm, bản rộng lưỡi dao 3,8cm; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 31cm, bản rộng lưỡi dao 3,8cm, tất cả đều đã qua sử dụng.

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy cưa màu cam nhãn hiệu KAVI G651; 01 (một) máy cưa màu cam nhãn hiệu Husqvarna Special365, trên vỏ dán nhãn có chữ Trung Quốc và dòng chữ Made in China của Đinh Trọng T

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2022 giữa Công an huyện Trảng Định và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn).

- Tịch thu vào Ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng do Trương Ngọc C nộp, theo biên lai thu tiền số 006532 và 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng do Đinh Trọng T nộp, theo biên lai số 006531, ngày 14/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trương Ngọc C, Đinh Trọng T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định;
- Công an huyện Trảng Định;
- Chi cục THADS huyện Trảng Định;
- Bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ)
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án; tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bấy